TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Việt Hưng
2. Ông: Nguyễn Văn Mười
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tinh Thái Nguyên.
- Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 153/2022/TLST - HNGĐ, ngày 17/10/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 07/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1976
Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977
Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt anh N, vắng mặt chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào năm 1998. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, vợ chồng xảy ra cãi cọ nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2000 (hiện đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 15/11/2007. Khi ly hôn, cháu N1 có nguyện vọng ở với mẹ là chị T nên tôi cũng nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn N kết hôn kết hôn năm 1998. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống cùng với gia đình tôi tại xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh N có quan hệ ngoại tình, vợ chồng về cãi cọ nhau. Anh N đi làm đi làm ăn bên Trung Quốc 2 năm, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Anh N sau đó về nhà được 1 tháng sau đó lại đi làm ăn ở thành phố T. Hiện tại vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, không có nói chuyện với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh N xin ly hôn tôi không nhất trí.

Về con chung: Tôi và anh N có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2000 (hiện đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 15/11/2007. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cháu N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị T

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét; anh N được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

- Về tài sản: Không xem xét.

- Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên chị T vắng mặt không có lý do, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Nguyễn Thị T cư trú tại xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T vắng mặt lần thứ hai không lý do, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, phía anh N xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y năm 1998 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Phía anh N xác định năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp cách sống của nhau, hay cãi chửi nhau dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Đến nay, anh N xác định không còn tình cảm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía chị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do anh N có quan hệ ngoại tình, anh N đi làm ăn, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, đến nay phía chị T xác định vẫn còn tình cảm và không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh N và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó xét đề nghị xin ly hôn của anh N là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của anh N, cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết anh N và chị T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2000 (hiện đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 15/11/2007.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1, phía anh N cũng nhất trí để chị T nuôi dưỡng cháu N1. Mặt khác cháu N1 cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. HĐXX xét thấy cần giao cháu N1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh N, chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung: Anh N được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết anh N, chị T không có đề nghị giải quyết về phần tài sản nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh N, chị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N, cho anh N được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 15/11/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung khi ly hôn: Anh N được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Anh N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004038 ngày 17/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Thảo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Các đương sự;
- T/báo cho UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng